

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 198/2018/HS-PT

Ngày: 19 - 6 - 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dân

Ông Nguyễn Tấn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 144/2018/TLPT-HS, ngày 02/05/2018 đối với bị cáo Trần Đình H và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2018/HS-ST, ngày 28-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Trần Đình H** (Tên gọi khác: H Chạm, H Trạm) - sinh năm 1984 tại tỉnh Hà Tây; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 5, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn 17, xã EL, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Đình T và bà Nguyễn Thị N (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị N và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013;

Tiền án: có 2 tiền án.

- Ngày 11/01/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Ngày 24/10/2012 chấp hành xong hình phạt tù.

- Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 330/2015/HSPT ngày 12/8/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 11 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Ngày 03/6/2018 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/11/2016, đến ngày 23/5/2017 được cho bảo lãnh, đến ngày 03/6/2018 bị bắt tạm giam – Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Đinh Ngọc T** (tên gọi khác: T Hâm); sinh năm 1981 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 12, xã E, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đinh Ngọc T (đã chết) và bà Khang Thị Q; có vợ là Đặng Thị T và có 01 con sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân T4: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 128/2007/HSPT ngày 21/6/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Ngày 01/9/2009 được đặc xá.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2016, đến ngày 23/3/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Hà Văn H1** (tên gọi khác: H1 Đen), sinh năm 1994 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn 6, xã CN, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; con ông Hà Văn T và bà Dương Thị T; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Đức T1**, sinh năm 1994 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn TH, phường TN, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Nguyễn Lai T và bà Nguyễn Thị H; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2016 đến ngày 06/11/2016 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Nguyễn Thị H2** (tên gọi khác: L), sinh năm 1954 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn 4, xã CY, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 04/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Công L và bà Nguyễn Thị C (đều đã chết); có chồng là Nguyễn Trọng T và có 01 con sinh năm 1976;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2016, đến ngày 06/11/2016 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có 05 bị cáo khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

- Người bào chữa cho bị cáo **Trần Đình H**: Luật sư Võ Ngọc Cường – Văn phòng luật sư Tín Nghĩa thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk – Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 10/2016, Đinh Ngọc T và Trần Đình H rủ nhau tổ chức đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa ăn thua bằng tiền để phục vụ các con bạc có nhu cầu nhằm thu lợi bất chính. H và T đã chuẩn bị địa điểm, chịu trách nhiệm giữ trật tự tại sòng bạc và thu tiền xâu. Hà Văn H1 và các đối tượng là N, T2, T3, M (chưa xác định được nhân T4 lai lịch) làm nhiệm vụ chở các con bạc vào địa điểm đánh bạc và canh giới, YT4 (chưa xác định được nhân T4 lai lịch) làm nhiệm vụ xóc cái để các con bạc đặt cược. Ngoài ra, H còn cho Phùng Thị L vào bán giò chả, hoa quả và Phạm Văn H3 vào bán nước uống, thuốc lá trong sòng bạc để các đối tượng này hưởng lợi. Quá trình tổ chức đánh bạc, T và H1 được chia mỗi người 2.000.000 đồng. Vào ngày 27/10/2016 khi T, H, H1 cùng đồng bọn đang tổ chức cho Nguyễn Đức T1, Nguyễn Thị H2, Trần Minh H4, Lê Văn B, Nguyễn Thị N1, Lê Hoàng T4 và một số đối tượng khác (chưa xác định được nhân T4 lai lịch) đánh bạc thì bị cơ quan công an phát hiện bắt quả tang, trong đó: L đã bán được 280.000 đồng, H3 bán được 50.000 đồng.

Tang vật thu giữ tại chiếu bạc gồm: Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 9.450.000 đồng (Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng); 01 chén nhựa màu trắng bên ngoài có hình bông hoa; 01 đĩa sứ màu trắng bên trong có hoa văn; 04 con vị được cắt từ lá bài tây; 01 thanh gỗ dài 25cm; 01 cục gỗ kích thước 5x8x11cm; 01 tấm bạt màu trắng dùng làm bàn xóc cái Xenko 40 x 50cm; 01 tấm bạt màu xanh cam có kích thước 06 x 08m; 01 tấm bạt màu xanh cam có kích thước 4 x 6m; 01 ống sắt màu trắng rỗng dài 3cm; 01 hộp gỗ màu nâu nhạt đã bị khóa kích thước 12,5 x 15,5 x 30cm (đã mở niêm phong, bên trong có số tiền 300.000 đồng) cùng một số xe mô tô thu giữ gần chiếu bạc và tại quán cà phê BD do ông Nguyễn Ngọc D làm chủ.

Thu giữ trên người của: Nguyễn Đức T1 số tiền 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng), 01 điện thoại di động I Phone 4 màu trắng; Nguyễn Thị H2 (L) số tiền 4.300.000 đồng (bốn triệu ba trăm nghìn đồng), 01 điện thoại Nokia màu xanh; Trần Minh H4 số tiền 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng), 01 điện thoại Nokia màu trắng, 01 điện thoại Sam sung màu vàng xám; Đinh Ngọc T số tiền 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), 01 điện thoại di động màu xám đen; Lê Văn B số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng), 01 điện thoại I Phone 5 màu trắng xám; Phùng Thị L số tiền 2.680.000 đồng (hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng), 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng và Phạm Văn H3 số tiền 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Đinh Ngọc T và Hà Văn H1 đã tự nguyện nộp mỗi bị cáo số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) là số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội đồng thời Công an huyện Ea Kar đã xử lý các tài sản không liên quan đến việc phạm tội bằng cách trả cho chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với Phạm Văn H3, bị khởi tố về tội “Tổ chức đánh bạc”. Tuy nhiên, xét thấy khi phạm tội Phạm Văn H3 là người chưa thành niên, phạm tội lần đầu và có

nhân T4 tốt nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã ban hành Quyết định đình chỉ, miễn trách nhiệm hình sự đối với Phạm Văn H3.

Đối với các đối tượng N, T2, T3, M và YT4: Quá trình điều tra chưa xác định được nhân T4 lai lịch nên chưa có căn cứ xử lý. Hiện cơ quan điều tra, Công an huyện Ea Kar tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý theo quy định pháp luật nếu có căn cứ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HSST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã quyết định:

Tuyên bố: các bị cáo Trần Đình H, Đinh Ngọc T, Hà Văn H1 và Phùng Thị L phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Nguyễn Đức T1, Nguyễn Thị H2, Trần Minh H4, Lê Văn B, Nguyễn Thị N1 và Lê Hoàng T4, phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015.

1. Xử phạt: Trần Đình H 03 (ba) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 11(mười một) tháng tù về tội “Đánh bạc” của bản án hình sự phúc thẩm số 330/2015/HSPT ngày 12/8/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (ba) năm 11(mười một) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án ngày 20/8/2017, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/02/2015 đến ngày 25/3/2015 và thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/11/2016 đến ngày 23/5/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

2. Xử phạt: Đinh Ngọc T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2016 đến ngày 23/3/2017.

3. Xử phạt: Hà Văn H1 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

4. Xử phạt: Nguyễn Đức T1 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2016 đến ngày 06/11/2016.

5. Xử phạt: Nguyễn Thị H2 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2016 đến ngày 06/11/2016.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, về các biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Đình H kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại mức hình phạt đối với bị cáo và vai trò của bị cáo trong hành vi tổ chức đánh bạc.

Bị cáo Hà Văn H1, Đinh Ngọc T, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Đức T1, Nguyễn Thị H2 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Hà Văn H1, Đinh Ngọc T, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Thị H2 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Bị cáo Trần Đình H cho rằng bị cáo không có hành vi tổ chức đánh bạc, thời điểm sòng bạc bị bắt quả tang bị cáo không tham gia, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại hành vi của bị cáo.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Đình H, Đinh Ngọc T và Hà Văn H1 về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), các bị cáo Nguyễn Đức T1, Nguyễn Thị H2 về tội “Đánh bạc” Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, các bị cáo Đinh Ngọc T, Hà Văn H1, Nguyễn Đức T1 và Nguyễn Thị H2 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm, bản Cáo trạng, lời khai của các bị cáo khác và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Trần Đình H cho rằng bị cáo không phạm tội “Tổ chức đánh bạc” như nội dung Cáo trạng và Bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của các bị cáo khác đều thể hiện bị cáo H và bị cáo T cùng tổ chức đánh bạc nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đình H. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Đinh Ngọc T, Hà Văn H1 thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng. Quá trình xét xử phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới nào. Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Đức T1 và Nguyễn Thị H2 thấy các bị cáo Nguyễn Đức T1 và Nguyễn Thị H2 là những người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần giam giữ các bị cáo mà áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Đình H, Đinh Ngọc T và Hà Văn H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức T1 và Nguyễn Thị H2, áp dụng thêm khoản 1 khoản 2 Điều 60 Bộ

luật hình sự 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), cho các bị cáo T1, H2 được hưởng án treo. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Đình H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại hành vi tổ chức đánh bạc của bị cáo Trần Đình H. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra không làm rõ ai là người tổ chức và chuẩn bị các công cụ, phương tiện để đánh bạc mà chỉ dựa vào lời khai của các bị cáo Đinh Ngọc T, Hà Văn H1, Phùng Thị L, Trần Minh H4, Lê Văn B, Nguyễn Thị N1, Lê Hoàng T4, Nguyễn Đức T1 và Nguyễn Thị H2 để quy kết cho bị cáo H phạm tội “Tổ chức đánh bạc” là không chính xác, không đảm bảo quyền, lợi ích của bị cáo H. Ngoài ra, bị cáo H1 khai là được T thuê chở các con bạc vào sới bạc và được T trả tiền. Bị cáo H chỉ thừa nhận trước đó có tham gia giữ trật tự tại sới bạc nhưng sau đó đã thôi không làm nữa. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm tranh luận.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Đình H giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng bị cáo không có vai trò chủ mưu đối với hành vi tổ chức đánh bạc của bị cáo Đinh Ngọc T, khi sòng bạc bị bắt quả tang thì không có mặt bị cáo vì bị cáo không tham gia tổ chức đánh bạc. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại hành vi của bị cáo và giảm nhẹ mức hình phạt đối với bị cáo.

Tuy nhiên các bị cáo Đinh Ngọc T, Hà Văn H1, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Thị H2 đều xác định bị cáo H cùng bị cáo T đều là người tổ chức, quản lý sòng bạc. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Phùng Thị L, Trần Minh H4, Lê Văn B, Nguyễn Thị N1, Lê Hoàng T4 đều khai nhận rằng các bị cáo biết được sòng bạc là do bị cáo H và bị cáo T tổ chức. Bị cáo H cũng thừa nhận rằng bị cáo có nhiệm vụ giữ gìn trật tự tại sòng bạc để không bị các thanh niên trong khu vực quậy phá. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định bị cáo Trần Đình H đã có hành vi tổ chức đánh bạc cùng các bị cáo khác.

Đối với bị cáo Trần Đình H, ngày 11/01/2012 bị cáo Trần Đình H bị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”, ngày 24/10/2012 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; đến ngày 05/02/2015 bị cáo có hành vi đánh bạc và bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 11 tháng tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 330/2015/HSPT ngày 12/8/2015, tại bản án này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm. Tuy nhiên, trong thời gian bị cáo được hoãn thi hành án đối với Bản án hình sự phúc thẩm số 330/2015/HSPT của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì đến ngày 27/10/2016 bị cáo có hành vi tổ chức đánh bạc nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm nguy

hiểm” và xét xử bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng pháp luật.

Lời khai của các bị cáo Hà Văn H1, Đinh Ngọc T, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Thị H2 tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đinh Ngọc T và Hà Văn H1 về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 249, bị cáo Nguyễn Đức T1 và Nguyễn Thị H2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo Trần Đình H, Đinh Ngọc T và Hà Văn H1 là tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo trên cơ sở xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo H, T và H1, giữ nguyên mức hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm.

Quá trình xét xử bị cáo Trần Đình H, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng hợp hình phạt 11 tháng tù đối với bị cáo tại Bản án hình sự phúc thẩm số 330/2015/HSPT ngày 12/8/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án. Tuy nhiên, ngày 03/6/2018, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt 11 tháng tù của bản án này, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa phần hình phạt đối với bị cáo Trần Đình H cho phù hợp.

Riêng đối với bị cáo Nguyễn Đức T1 và Nguyễn Thị H2 là những người có nhân T4 tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Ngoài ra, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo T1 còn trẻ, bị cáo H2 là người cao tuổi, xét thấy không cần giam giữ các bị cáo mà áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), cho các bị cáo được hưởng án treo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) không có gì khác nhau. Các bị cáo phạm tội trước ngày 01/01/2018 nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với các bị cáo cho thống nhất.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Đình H, Đinh Ngọc T và Hà Văn H1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Đức T1 và Nguyễn Thị H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Đình H, Đình Ngọc T, Hà Văn H1 – Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức T1 và Nguyễn Thị H2 - Sửa bản án hình sự sơ thẩm.

[2] - Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009).

1. Xử phạt: Trần Đình H 03 (ba) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/6/2018, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/11/2016 đến ngày 23/5/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009).

2. Xử phạt: Đình Ngọc T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2016 đến ngày 23/3/2017.

3. Xử phạt: Hà Văn H1 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Khoản 1 khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009).

4. Xử phạt: Nguyễn Đức T1 11 (mười một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 10 (mười) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T1 cho Ủy ban nhân dân phường TN, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường TN trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

5. Xử phạt: Nguyễn Thị H2 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H2 cho Ủy ban nhân dân xã CY, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã CY trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp các bị cáo Nguyễn Đức T1 và Nguyễn Thị H2 thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[3] Về án phí: Các bị cáo Trần Đình H, Đinh Ngọc T, Hà Văn H1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Nguyễn Đức T1, Nguyễn Thị H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Văn phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- VKSND huyện huyện Ea Kar;
- Công an huyện huyện Ea Kar;
- Chi cục T.H.A.DS huyện huyện

EK;

- Cơ quan T.H.A HS Công an huyện huyện Ea Kar;

- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã CY, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường TN, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Đình Triết